

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2022
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Hưng;

Ông Tô Tiến Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 177/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1983; cư trú tại: ấp 4, xã H, huyện B, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc B, sinh năm 1976; cư trú tại: tổ 9, khu phố M, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về hôn nhân: chị Lê Thị T đăng ký kết hôn với anh Trương Quốc B tại Ủy ban nhân dân thị trấn U, huyện B (nay là huyện B), tỉnh Bình Dương vào ngày 30 tháng 3 năm 2010 (Giấy chứng nhận kết hôn số 41, quyển số 01/2010); hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu anh chị chung sống rất hạnh phúc. Đến cuối năm

2012 thì phát sinh mâu thuẫn, anh chị hay cãi nhau vì những chuyện nhỏ nhặt trong cuộc sống. Đến đầu năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng, anh B nghi ngờ chị T ngoại tình rồi hay mắng chửi, xúc phạm chị T nên anh chị không sống chung khoảng gần một năm nay. Nay chị T không thể tiếp tục chung sống với anh B nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: chị T và anh B có ba con chung tên Trương Quốc K, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2011, Trương Lê Khánh A, sinh ngày 03 tháng 11 năm 2012 và Trương Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2019. Hiện các con đang ở chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi ba con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Thu nhập của chị T từ nghề giáo viên khoảng 10.000.000 đồng/tháng và nghề may quần áo tại nhà khoảng 15.000.000 đồng/tháng đến 20.000.000 đồng/tháng.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Quốc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng anh B đều vắng mặt không lý do. Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh B.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án: quá trình giải quyết vụ án, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng nhận định:

[1] Về tố tụng: bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Về hôn nhân: hôn nhân của chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp. Anh chị chung sống đã xảy ra những bất đồng, cãi nhau từ cuối năm 2012; đến đầu năm 2022 mâu thuẫn trầm trọng hơn, chị T cho rằng anh B nghi ngờ chị T ngoại tình rồi hay mắng chửi, xúc phạm chị T nên hiện nay anh chị không còn sống chung với nhau. Theo Biên bản xác minh ngày 22 tháng 7 năm 2022 do Tòa án lập về tình trạng hôn nhân của chị T và anh B, quá trình chung sống, chị T và anh B có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Vì vậy, chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh B theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị T và anh B là vợ chồng nhưng không còn thương yêu nhau, không sống chung với nhau là đã không giữ gìn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn

nhân và Gia đình. Anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh B bỏ mặc không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến tại Tòa đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, quyết định cho chị T và anh B ly hôn.

Về nuôi con chung: chị T và anh B có ba con chung tên Trương Quốc K, Trương Lê Khánh A và Trương Minh N. Chị T yêu cầu được nuôi ba con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Xét cháu K và cháu A đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với chị T; cháu N thì chỉ hơn 03 tuổi; công việc, thu nhập hàng tháng của chị T ổn định. Vì vậy yêu cầu của chị T về nuôi con chung là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, anh B có trách nhiệm giao ba con chung cho chị T trực tiếp nuôi. Chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản và nợ chung: chị T và anh B không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

[4] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81 và khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với anh Trương Quốc B về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Lê Thị T đối với anh Trương Quốc B.

Về nuôi con chung:

Anh Trương Quốc B có trách nhiệm giao ba con chung tên Trương Quốc K, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2011, Trương Lê Khánh A, sinh ngày 03 tháng 11

năm 2012 và Trương Minh N, sinh ngày 10 tháng 01 năm 2019 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi, chị Lê Thị T không yêu cầu anh Trương Quốc B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trương Quốc B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về chia tài sản và nợ chung: chị Lê Thị T và anh Trương Quốc B không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Lê Thị T đã nộp theo biên lai số AA/2021/0009191 ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương. Chị Lê Thị T đã nộp xong án phí.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- UBND TT.U, huyện B;
- (Giấy CNKH số 41, quyền số 01/2010)
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TAND (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Kim Xuyên